

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU NGANG
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2022/HNGĐ-ST

Ngày 09/6/2022.

*“V/v Ly hôn giữa chị N và anh
H”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Lê Thị Tranh.

Các Hội Thẩm nhân dân: - Ông Huỳnh Văn Dương

- Ông Lê Văn Được

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Bích Vân, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Lý Phước Bền – Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 6 năm 2022, tại Toà án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 227/2022/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 4 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 16/5/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị N, sinh năm 1975; Địa chỉ: Ấp N, xã MLN, huyện CN, tỉnh Trà Vinh. Có mặt

Bị đơn: Anh Hồ Văn H, sinh năm 1973; Địa chỉ: Ấp N, xã MLN, huyện C N, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 1995 chị N và anh Hồ Văn H do mai mối và xác lập quan hệ hôn nhân không có đăng ký kết hôn, thời gian chung sống chị và anh H có 02 con chung tên Hồ Minh K, sinh ngày 26/9/1995 và Hồ Nhật H, sinh ngày 14/4/1999 đã thành niên, nguyên nhân mâu thuẫn chị N cho rằng anh H thường uống rượu về xua đuổi chị nhiều lần nên chị và anh H ly thân từ năm 2018 cho đến năm 2021 chị không thể chịu được nên đã về nhà mẹ ruột sống cho đến nay, tình cảm giữa vợ chồng không còn. Nay chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hồ Văn H.

Về con chung tên: Hồ Minh K, sinh ngày 26/9/1995 và Hồ Nhật H, sinh ngày 14/4/1999 đã thành niên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị N không tranh chấp, không khởi kiện, không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về số nợ phải thu, phải trả: Chị N không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Hồ Văn H vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt nên không có lời trình bày.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

- *Về việc tuân theo pháp luật:* Về thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm đều đúng quy định pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến khi ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tổng đạt đầy đủ cho các đương sự nhận. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần đơn khởi kiện của chị N, tuyên bố không công nhận chị N và anh H là vợ chồng, về con chung tên Hồ Minh K, sinh ngày 26/9/1995 và Hồ Nhật H, sinh ngày 14/4/1999 đã thành niên chị N không yêu cầu nên không xem xét. Về tài sản chung và về số nợ phải thu, phải trả chị N và anh H không tranh chấp, không yêu cầu nên không xem xét, về án phí chị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Xét thấy bị đơn anh Hồ Văn H có nơi cư trú trên địa bàn huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét đơn khởi kiện của chị Trần Thị N khởi kiện xin ly hôn với anh Hồ Văn H nên xác định quan hệ tranh chấp “Ly hôn” là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị N và anh H chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1995 nhưng đến nay chị N và anh H không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Từ đó xác định hôn nhân của chị N và anh H là không hợp pháp.

Xét thấy quá trình chung sống giữa chị N và anh H tuy chưa thống nhất nhau về quan điểm đời sống vợ chồng, lối sống, về cách ứng xử giao tiếp thì anh chị phải

biết tự điều chỉnh hành vi của mình sao cho phù hợp với cuộc sống hiện tại, cùng nhau góp ý xây dựng, chia sẻ và tôn trọng lẫn nhau để tìm cách giải quyết mọi vấn đề một cách êm đẹp nhất nhằm bảo vệ hạnh phúc gia đình. Khi mâu thuẫn phát sinh chị N và anh H đều bỏ mặt cho hậu quả xảy ra, không còn quan tâm đến tình nghĩa vợ chồng, anh chị luôn bất hòa với nhau về mọi mặt, từ khi ly thân năm 2018 đến nay anh chị cũng không quan tâm đến hạnh phúc gia đình mạnh ai nấy sống làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt.

Mặt khác khi xác lập quan hệ hôn nhân, chị N và anh H có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nhưng chị N và anh H không đăng ký kết hôn mà lại chung sống với nhau như vợ chồng là vi phạm Điều 09 của Luật hôn nhân và gia đình, điểm b khoản 03 Nghị quyết số: 35/2000/QH10 - Quốc hội khoá X nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Tại phiên tòa hôm nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn mục đích hôn nhân không đạt được cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H, tại biên bản ghi lời khai và tại biên bản hoà giải ngày 19/4/2022 anh H không đồng ý ly hôn với chị N, tại phiên tòa hôm nay anh H vắng mặt từ đó cho thấy khả năng hàn gắn vợ chồng là không có kết quả, chị N cương quyết xin ly hôn với anh H, nghĩ nên tuyên bố không công nhận chị N và anh H là vợ chồng, là đúng quy định Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về nuôi con: Xét thấy con chung tên Hồ Minh K, sinh ngày 26/9/1995 và Hồ Nhật H, sinh ngày 14/4/1999 là con chung của chị N và anh H nay các con của chị N và anh H đã thành niên, chị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay chị N không khởi kiện, không tranh chấp, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về số nợ phải thu, phải trả: Chị N không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị N phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

- Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 01 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, 227, 228 Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 09, 14, 51, khoản 02 Điều 53, 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm b khoản 03 Nghị quyết số: 35/2000/QH10 của Quốc hội khoá X. Kỳ họp thứ 7, thông qua ngày 09/6/2000.

Căn cứ vào khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng

án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của chị Trần Thị N.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Trần Thị N và anh Hồ Văn H là vợ chồng.

Về nuôi con tên: Hồ Minh K, sinh ngày 26/9/1995 và Hồ Nhật H, sinh ngày 14/4/1999 đã thành niên chị N không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay chị N không khởi kiện, không tranh chấp, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về số nợ phải thu, phải trả: Chị N không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị Trần Thị N có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0010761 ngày 31/3/2022 do chị N nộp cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang thu, chị Trần Thị N đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi Cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã MLN,
- huyện CN, tỉnh Trà Vinh;
- Lưu HSA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Thị Tranh